|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC X** | **PHỤ LỤC X** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT** *(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG HẠNG GCNKNCM MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Tên nghề: Máy trưởng phương tiện thủy nội địa** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng môn học, mô đun đào tạo:** 05 |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM máy trưởng hạng nhất | **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM máy trưởng hạng nhất |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Chỉ huy và hướng dẫn thợ máy thực hành nhiệm vụ của người máy trưởng; thành thạo kỹ thuật khai thác các hệ thống điện, hệ thống động lực, các thiết bị máy móc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu một cách chuẩn xác, an toàn và hiệu quả; sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; phát hiện chính xác các hiện tượng hư hỏng để đề ra các phương án sửa chữa; lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế. | Chỉ huy và hướng dẫn thợ máy thực hành nhiệm vụ của người máy trưởng; thành thạo kỹ thuật khai thác các hệ thống điện, hệ thống động lực, các thiết bị máy móc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu một cách chuẩn xác, an toàn và hiệu quả; sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; phát hiện chính xác các hiện tượng hư hỏng để đề ra các phương án sửa chữa; lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế. |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu, công tác tìm kiếm cứu nạn; thành thạo kỹ thuật vận hành động cơ diezen tàu thủy đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; đọc thành thạo mạch điện của một số máy thông dụng, sửa chữa được một số hư hỏng thường gặp; có nhiệm vụ lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế. | Sử dụng thành thạo các thiết bị thông tin liên lạc trong mọi tình huống phục vụ công tác khai thác tàu, công tác tìm kiếm cứu nạn; thành thạo kỹ thuật vận hành động cơ diezen tàu thủy đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ cho động cơ; đọc thành thạo mạch điện của một số máy thông dụng, sửa chữa được một số hư hỏng thường gặp; có nhiệm vụ lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị, phụ tùng thay thế. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có thái độ nghề nghiệp đúng mực, có trách nhiệm về công việc được giao, lao động có kỷ luật, chất lượng và hiệu quả; có tinh thần vượt khó, có tinh thần tương thân, tương ái, có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có thái độ nghề nghiệp đúng mực, có trách nhiệm về công việc được giao, lao động có kỷ luật, chất lượng và hiệu quả; có tinh thần vượt khó, có tinh thần tương thân, tương ái, có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
|  | 1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 03 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| Thời gian của khóa học: 255 giờ, bao gồm: | 2. Thời gian của khóa học: 180 giờ, bao gồm: | Giảm thời gian cho phù hợp với đối tượng đào tạo và nội dung chương trình |
| 1. Thời gian các hoạt động chung: 15 giờ. |  |  |
| 2. Thời gian học tập: 240 giờ, trong đó: |  |  |
| a) Thời gian thực học: 225 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 169 giờ |  |
| b) Thời gian ôn, thi kết thúc khóa học: 15 giờ. | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 11 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH), MÔ ĐUN (MĐ) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | Điện tàu thủy | 15 | | MĐ 02 | Máy tàu thủy | 90 | | MĐ 03 | Công nghệ thông tin, tự động hóa trong điều khiển | 30 | | MH 04 | Kinh tế vận tải | 45 | | MH 05 | Nghiệp vụ máy trưởng | 45 | | **Tổng cộng** | | **225** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | Điện tàu thủy | 45 | | MĐ 02 | Máy tàu thủy | 90 | | MH 03 | Kinh tế vận tải | 45 | | **Tổng cộng** | | **180** | | -Cắt bỏ MĐ 03 vì nội dung các học viên đã được học tại các cấp phổ thông trung học  -Bỏ MH 05 vì nội dung đã được học tại chương trình đào tạo máy trưởng hạng ba (tương tự như máy trưởng hạng nhì)  -Tăng giờ MĐ 01 để đảm bảo đáp ứng trình độ đào tạo |
| IV. THI KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | - Lý thuyết: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến.  - Thực hành: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng thực hành trong chương trình.  - Đối với hình thức đào tạo trực tuyến, cơ sở đào tạo phải có đủ cơ sở vật chất đáp ứng và lựa chọn các nội dung phù hợp trong các môn học, mô đun. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện, bổ sung quy định về đào tạo trực tuyến nội dung lý thuyết |
| 1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: | 2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học. | Không quy định thời lượng tham gia môn học do đã có quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 40/2019/TT-BGTVT |
| 2. Thi kết thúc khóa học: | 3. Thi kết thúc khóa học: |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Vận hành, sửa chữa máy, điện | Thực hành | | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc các môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp Giấy CNKNCM máy trưởng hạng Nhất, gồm các nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Lý thuyết chuyên môn | Vấn đáp | | 3 | Vận hành, sửa chữa máy, điện | Thực hành | | Bổ sung điều kiện để được kiểm tra kết thúc khóa học |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học, mô đun đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các môn học, mô đun trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ sở đào tạo |
| V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên mô đun: **ĐIỆN TÀU THỦY** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 01. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống điện một chiều 24V; hiểu biết về máy điện xoay chiều và trạm phát điện trên tàu thủy; biết phân tích các dạng sự cố của mạch điện; đấu được một số mạch điện 3 pha như mạch chiếu sáng, mạch điện máy phụ đơn giản; biết cách kiểm tra, xác định một số hư hỏng của mạch điện và biện pháp khắc phục; biết vận hành trạm phát điện 3 pha có công suất từ 50 kW trở lên. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Hệ thống điện một chiều 24V trên tàu thủy nội địa | 2 | | 1.1 | Sơ đồ hệ thống điện một chiều 24V | | 1.2 | Quy trình sử dụng hệ thống điện một chiều 24V | | 2 | Bài 2: Máy điện xoay chiều | 5 | | 2.1 | Máy phát điện xoay chiều 3 pha | | 2.2 | Máy biến áp - Cấu tạo và nguyên lý hoạt động | | 2.3 | Xác định dây quấn sơ cấp và thứ cấp của máy biến áp | | 2.4 | Một số lưu ý khi sử dụng máy biến áp | | 2.5 | Động cơ điện 3 pha | | 2.6 | Thí nghiệm máy điện | | 3 | Bài 3: Thiết bị điện | 5 | | 3.1 | Thiết bị đo và đo các đại lượng cơ bản | | 3.2 | Át tômát, khởi động từ | | 4 | Bài 4: Trạm phát điện | 2 | | 4.1 | Sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động của trạm phát điện | | 4.2 | Quy trình vận hành trạm phát điện | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình điện tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, vật thật ngay tại xưởng thực hành điện và các hệ thống điện trên tàu thủy. |  |  |
| 2. Tên mô đun: **MÁY TÀU THỦY** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 02. |  |  |
| b) Thời gian: 90 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu sâu, hiểu rộng hơn về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của động cơ diesel cũng như các hệ thống và trang thiết bị phụ trên tàu; biết cách ứng dụng, sử dụng, chăm sóc và bảo quản, đảm bảo đạt hiệu quả cao trong quá trình khai thác động cơ diesel. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Nguyên lý hoạt động của động cơ diesel | 15 | | 1.1 | Phân tích quá trình cháy trong động cơ diesel | | 1.2 | Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình cháy trong động cơ diesel | | 1.3 | Tăng áp cho động cơ 2 kỳ: sơ đồ cấu tạo, nguyên lý hoạt động | | 1.4 | Những hư hỏng thường gặp, nguyên nhân và biện pháp khắc phục | | 2 | Bài 2: Cấu tạo động cơ | 10 | | 2.1 | Phân tích yêu cầu, cấu tạo và nâng cao sức bền trục khuỷu | | 2.2 | Ổ đỡ trục: yêu cầu, cấu tạo, các loại bạc trục, hư hỏng, biện pháp khắc phục | | 3 | Bài 3: Hệ thống phân phối khí | 10 | | 3.1 | Đặc điểm của biên dạng cam phân phối khí | | 3.2 | Cấu tạo một số dạng con đội, quan hệ lắp ghép giữa con đội và cam | | 3.3 | Kiểm tra các dạng hư hỏng của hệ thống và biện pháp khắc phục | | 4 | Bài 4: Hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ diesel | 10 | | 4.1 | Bơm cao áp, vòi phun và nguyên lý điều chỉnh lượng nhiên liệu của thiết bị này | | 4.2 | Một số loại vòi phun thông dụng hiện nay: vòi phun 1 lỗ tia, nhiều lỗ tia (cấu tạo, nguyên lý hoạt động, hư hỏng, cách kiểm tra và biện pháp khắc phục) | | 4.3 | Bộ điều tốc: hư hỏng thông thường, biện pháp khắc phục | | 4.4 | Kiểm tra các dạng hư hỏng của hệ thống và biện pháp khắc phục | | 5 | Bài 5: Hệ thống bôi trơn - làm mát | 12 | | 5.1 | Cấu tạo, nguyên lý hoạt động, hư hỏng, cách kiểm tra và biện pháp khắc phục bơm chuyển dầu kiểu bánh răng trong | | 5.2 | Bầu lọc dầu nhờn kiểu phiến gạt (cấu tạo, nguyên lý hoạt động, vệ sinh bầu lọc) | | 5.3 | Nguyên lý lọc dầu, máy lọc dầu ly tâm tự xả: cấu tạo, nguyên lý hoạt động | | 5.4 | Những hư hỏng thường gặp, nguyên nhân và biện pháp khắc phục | | 6 | Bài 6: Hệ thống khởi động - đảo chiều | 12 | | 6.1 | Khởi động động cơ bằng không khí nén dùng van piston, khởi động bằng thiết bị thủy khí | | 6.2 | Đảo chiều bằng chân vịt biến bước | | 6.3 | Đảo chiều dùng cánh cửa nước | | 7 | Bài 7: Nhiên liệu và dầu nhờn | 15 | | 7.1 | Những tính chất chủ yếu của nhiên liệu, các chỉ tiêu cơ bản của nhiên liệu diezen, những yêu cầu chung của nhiên liệu diesel | | 7.2 | Tiêu chuẩn Việt Nam về diesel (TCVN5689-1998) | | 7.3 | Chọn nhiên liệu cho động cơ diesel tàu thủy | | 7.4 | Các tính chất lý hóa của dầu nhờn, các chỉ tiêu chất lượng của dầu nhờn | | 7.5 | Dầu nhờn động cơ: chức năng và tính chất của dầu nhờn động cơ, phân loại dầu nhờn động cơ | | Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc mô đun | | 6 | | **Tổng cộng** | | **90** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình máy tàu thủy và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình các loại máy tàu thủy ngay tại xưởng thực hành máy và các hệ thống máy trên tàu thủy. |  |  |
| 3. Tên mô đun: **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TỰ ĐỘNG HÓA TRONG ĐIỀU KHIỂN** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 03. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu các kiến thức cơ bản về máy vi tính; phát triển kỹ năng sử dụng máy vi tính và phần mềm; biết vận dụng kiến thức đã học và thực tế; hiểu khái quát về hệ thống điều chỉnh tự động; nắm vững được cấu trúc cơ bản của các hệ thống đo lường như hệ thống đo nhiệt độ, đo áp suất, đo lưu lượng, đo mức chất lỏng. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | I | Phần 1. Tin học ứng dụng |  | | 1.1 | Bài 1: Các kiến thức cơ bản | 1 | | 1.2 | Thông tin và xử lý thông tin | | 1.3 | Khái niệm phần cứng và phần mềm | | 1.4 | Hệ điều hành | | 2 | Bài 2: Chương trình Windows | 4 | | 2.1 | Giới thiệu chung | | 2.2 | Màn hình Windows | | 2.3 | Khởi động các chương trình và mở các tệp tin dữ liệu | | 2.4 | Quản lý các hồ sơ và tệp tin bằng Windows Explorer | | 2.5 | Internet và Email | | 2.6 | Virus máy tính | | 3 | Bài 3: Chương trình Microsoft Word | 6 | | 3.1 | Giới thiệu về Microsoft Word | | 3.2 | Soạn thảo, định dạng văn bản | | 3.3 | Chèn các đối tượng vào văn bản | | 3.4 | Lưu và in văn bản | | 3.5 | Các công cụ đồ họa | | 3.6 | Internet và Email | | 4 | Bài 4: Chương trình Microsoft Excel | 6 | | 4.1 | Các khái niệm cơ bản | | 4.2 | Tạo lập, định dạng và in ấn bảng tính | | 4.3 | Các bài tập ứng dụng | | II | Phần 2. Tự động hóa trong điều khiển |  | | 1 | Bài 1: Hệ thống điều chỉnh tự động | 6 | | 1.1 | Một số khái niệm cơ bản | | 1.2 | Khái niệm về điều khiển lập trình | | 2 | Bài 2: Hệ thống đo lường | 6 | | 2.1 | Đo nhiệt độ | | 2.2 | Đo áp suất | | 2.3 | Đo lưu lượng | | 2.4 | Đo mức chất lỏng | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình tin học, tự động hóa và các đầu sách tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học học thực hành ngay trên máy tại phòng học vi tính đa năng và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 4. Tên môn học: **KINH TẾ VẬN TẢI** |  |  |
| a) Mã số: MH 03. |  |  |
| b) Thời gian: 45 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp tính toán một số chỉ tiêu cơ bản khi khai thác hệ thống động lực trong vận tải. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương I: Vị trí, vai trò và đặc điểm ngành vận tải thủy nội địa | 2 | | 1.1 | Vị trí, vai trò ngành vận tải thủy nội địa | | 1.2 | Đặc điểm ngành vận tải thủy nội địa | | 2 | Chương II: Những hình thức công tác của đoàn tàu | 6 | | 2.1 | Chuyến đi | | 2.2 | Chuyến đi vòng tròn | | 3 | Chương III: Các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa và hành khách | 8 | | 3.1 | Các chỉ tiêu vận chuyển hàng hóa | | 3.3 | Các chỉ tiêu vận chuyển hành khách | | 4 | Chương IV: Năng suất lao động và năng suất phương tiện trong vận tải thủy nội địa | 10 | | 4.1 | Khái niệm | | 4.2 | Cách tính năng suất lao động và năng suất phương tiện | | 5 | Chương V: Giá thành vận chuyển đường thủy nội địa | 15 | | 5.1 | Khái niệm | | 5.2 | Cấu tạo của giá thành | | 5.3 | Biện pháp hạ giá thành | | 6 | Chương VI: Các phương thức giao nhận hàng hóa | 2 | | Kiểm tra định kỳ, kiểm tra kết thúc môn học | | 2 | | **Tổng cộng** | | **45** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình kinh tế vận tải, các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành đo mớn nước, khai thác các bài toán về kinh tế vận tải trong một chuyến đi vòng tròn trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 5. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ MÁY TRƯỞNG** |  |  |
| a) Mã số: MH 05. |  |  |
| b) Thời gian: 30 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu; lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ cũng như nhật ký của tàu. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | **Nhiệm vụ chung** | 5 | | 1.1 | Điều lệ thi cấp bằng và đảm nhiệm chức danh thuyền viên trên phương tiện thủy nội địa | | 1.2 | Chức trách, nhiệm vụ thuyền viên máy | | 1.3 | Nhận bàn giao nhiệm vụ máy trưởng và làm quen với hệ động lực tàu | | 1.4 | Các hồ sơ kỹ thuật của tàu | | 1.5 | Quản lý nhiên liệu, dầu mỡ và các vật tư khác | | 1.6 | Quản lý thuyền viên bộ phận máy | | 1.7 | Huấn luyện thuyền viên | | 2 | **Khai thác một chuyến đi** | 14 | | 2.1 | Nội quy, quy định chung khi lên xuống làm việc dưới tàu, buồng máy. Các dạng kiểm tra tàu | | 2.2 | Chuẩn bị cho một chuyến đi, cách ghi nhật ký máy. Nhiệm vụ trực ca, quy tắc vận hành | | 2.3 | Dụng cụ, bảo dưỡng và sửa chữa | | 2.4 | Công tác báo cáo | | 2.5 | Vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường | | 3 | **An toàn lao động và phòng cháy, chữa cháy** | 10 | | 3.1 | An toàn lao động | | 3.2 | Nguyên nhân gây cháy, cách phòng cháy | | 3.3 | Chất chữa cháy, hệ thống chữa cháy, chữa cháy | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **30** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ máy trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện. |  |  |